TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2024/DS-ST
Ngày: 21/8/2024.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc.

2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2024/TLST-DS, ngày 25 tháng 4 năm 2024, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2024/QĐST-DS, ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2024/QĐST-DS, ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ: số D P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trung V - Chức vụ: Phó tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Hoàng M1 – sinh năm 1987, có mặt.

Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ: số D P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Lê Trung Đ – sinh năm 1993, vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1948, có đơn xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K trình bày nội dung khởi kiện với các yêu cầu như sau:

Ngày 28/6/2022, Ngân hàng Thương mại cổ phần K (Phòng G, Kiên Giang) có cho ông Lê Trung Đ và bà Nguyễn Thị T vay số tiền 80.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 1137/22/HĐTD/1011-0864, lãi suất 13,4%/năm, lãi suất thả nổi, 03 tháng điều chỉnh 01 lần, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, mục đích vay bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp + chăn nuôi, thời hạn vay là 12 tháng. Bên vay có thế chấp tài sản đảm bảo cho hợp đồng tín dụng trên theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1445/18/HĐTC-BĐS/1011-0864, ngày 26/6/2018 gồm: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 467835, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 27/10/2002, có tổng diện tích 9.430m^2 gồm: 470 m^2, thuộc thửa đất số 29; diện tích 469m^2, thuộc thửa đất số 83; diện tích 3.271m^2, thuộc thửa đất số 187 và 5.220m^2, thuộc thửa đất số 253, cùng tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang do bà Nguyễn Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, kể từ ngày 07/7/2023 đến nay bên vay không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, hợp đồng đã quá hạn. Bên vay hiện còn nợ Ngân hàng gồm: 80.000.000đồng tiền vốn gốc và lãi tính đến ngày 21/8/2024 gồm: 21.754.849đồng lãi quá hạn, tổng cộng bằng 101.754.849đồng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Trung Đ và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ trên và tiếp tục tính lãi cho đến khi ông Lê Trung Đ và bà Nguyễn Thị T trả hết số nợ vay.

Trường hợp ông Lê Trung Đ và bà Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 1445/18/HĐTC-BĐS/1011-0864, ngày 26/6/2018 để thu hồi nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà thừa nhận có vay nợ ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền tổng cộng bằng 80.000.000đồng như ngân hàng khởi kiện, khi vay bà có thế chấp tài sản như ngân hàng trình bày.

Nay bà đồng ý trả hết số nợ mà ngân hàng kiện nhưng bà không có khả năng đợi bà về bàn lại với các con bà sẽ có phương án trả nợ cho ngân hàng. Nếu bà không trả nợ cho ngân hàng thì bà đồng ý giao tài sản thế chấp cho ngân hàng phát mãi thu hồi nợ.

Bị đơn ông Lê Trung Đ được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Lê Trung Đ không có mặt nên Tòa án không thể ghi nhận bất cứ ý kiến hay yêu cầu nào của ông Lê Trung Đ.

- Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần K có ý kiến xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Trung Đ và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền vay và lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử 21/8/2024 bằng 101.754.849đồng. Trường hợp ông Lê Trung Đ và bà Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K với ông Lê Trung Đ và bà Nguyễn Thị T tranh chấp về dân sự được quy định tại Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Lê Trung Đ vắng mặt 02 lần không có lý do và việc vắng mặt này không làm thay đổi nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt ông Lê Trung Đ.

Bà Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt và việc vắng mặt này không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T.

[2] Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" với mục đích vay tài sản được quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Tại hợp đồng cấp tín dụng nguyên tắc số 1137/22/HĐTD/1011-0864, ký ngày 26/6/2018 và hợp đồng tín dụng từng lần số 1137/22/HĐTD/1011-0864, ký ngày 28/6/2022, giữa các bên có quy định về lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi. Những quy định trong hợp đồng không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ dung năm 2017; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng, ông Lê Trung Đ và bà Nguyễn Thị T không thực hiện đúng cam kết, từ ngày 07/7/2023 hợp đồng tín dụng trên đã quá hạn. Cho đến nay, bên vay ông Lê Trung Đ và bà Nguyễn Thị T đã vi phạm về thời hạn trả nợ nên căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự buộc ông

Lê Trung Đ và bà Nguyễn Thị T phải trả khoản nợ vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng là phù hợp.

[4] Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 1445/18/HĐTC-BĐS/1011-0864, được ký kết ngày 26/6/2018, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K với ông Lê Trung Đ và bà Nguyễn Thị T có nêu rõ các điều khoản thi hành và được công chứng, chứng thực đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 467835, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 27/10/2002, có tổng diện tích 9.430m^2 gồm: 470 m^2, thuộc thửa đất số 29; diện tích 469m^2, thuộc thửa đất số 83; diện tích 3.271m^2, thuộc thửa đất số 187 và 5.220m^2, thuộc thửa đất số 253, cùng tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang do bà Nguyễn Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hiện tại, những tài sản này do ông Lê Trung Đ và bà Nguyễn Thị T đang quản lý, sử dụng, không có giao dịch với bên thứ ba. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ dung năm 2017 chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

[5] Về án phí DSST có giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Ông Lê Trung Đ và bà Nguyễn Thị T phải nộp 5.088.000đồng (101.754.849đồng x 5%).

Bà Nguyễn Thị T có đơn xin miễn án phí theo quy định của pháp luật, do bà Nguyễn Thị T fngười cao tuổi nên bà Nguyễn Thị T đối tượng được miễn án phí. Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà Nguyễn Thị T được miễn nộp phần án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch mà bà phải nộp là 2.544.000đồng.

Ông Lê Trung Đ phải nộp phần án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch mà ông phải nộp là 2.544.000đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần K được nhận lại 2.170.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005946 ngày 25/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 323, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA, ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng Điều 91 và 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Áp dụng Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xử: Buộc ông Lê Trung Đ và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K tổng số tiền 101.754.849 (một trăm lẽ một triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm bốn mươi chín) đồng, gồm có: Số tiền nợ gốc là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng và lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 21.754.849 (hai mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm bốn mươi chín) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Lê Trung Đ và bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Lê Trung Đ và bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Lê Trung Đ và bà Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K, thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ số nợ trên gồm: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 467835, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 27/10/2002, có tổng diện tích 9.430m^2 gồm: 470 m^2, thuộc thửa đất số 29; diện tích 469m^2, thuộc thửa đất số 83; diện tích 3.271m^2, thuộc thửa đất số 187 và 5.220m^2, thuộc thửa đất số 253, cùng tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang do bà Nguyễn Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi ông Lê Trung Đ và bà Nguyễn Thị T trả hết số nợ đã vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng thương mại cổ phần K, thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận QSD đất số N 467835, cấp ngày 27/10/2002, cho ông Lê Trung Đ và bà Nguyễn Thị T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Lê Trung Đ phải nộp số tiền 2.544.000đồng, bà Nguyễn Thị T được miễn nộp án phí.

Ngân hàng thương mại cổ phần K được nhận lại 2.170.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005946 ngày 25/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. "Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS Gò Quao;
-Chi cục THA;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang